

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH
Số: 78 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thái Bình, ngày 07 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 06/CV-JEV ngày 01/12/2022 của Công ty TNHH Jinyang Electronics Vina về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường "Dự án Nhà máy Jinyang Electronics Vina";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 648/TTr-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Jinyang Electronics Vina (địa chỉ: Lô D1-2 (thuộc lô D1), Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Dự án Nhà máy Jinyang Electronics Vina" với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án Nhà máy Jinyang Electronics Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D1-2 (thuộc lô D1), Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 1001251167 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/6/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/9/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1036412523, chứng nhận lần đầu ngày 28/6/2022, nơi cấp: Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình.

1.4. Mã số thuế: 1001251167

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại bảng mạch in cho các sản phẩm, thiết bị và linh kiện điện tử; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Tổng diện tích của Dự án 30.000 m² theo Hợp đồng cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng số HĐĐ 05/2022/GiP-SMT ngày 26/07/2022 giữa Công ty Cổ phần Green i-Park và Công ty TNHH Jinyang Electronics Vina.

- Quy mô: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 32.616.000 sản phẩm/năm, tương đương với 212 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Jinyang Electronics Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL Khu kinh tế và các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty TNHH Jinyang Electronics Vina;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lai Văn Hoàn

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP-PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

A. NỘI DUNG CẤP-PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái, không xả ra ngoài môi trường.

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái tại Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1) số 04/2022/BBTT/GiP-SMT ngày 20/10/2022 giữa Công ty Cổ phần Green i-Park và Công ty TNHH Jinyang Electronics Vina.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án với lưu lượng khoảng 70 m³/ngày đêm (qua 04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 40 m³ và 01 bể tách mỡ có thể tích 5 m³) được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất 130 m³/ngày đêm; các chất ô nhiễm đạt giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (trương đương cột B giá trị C, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K=1).

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án được bơm cưỡng bức theo đường ống và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái tại 01 vị trí Hồ ga đầu nối nước thải (tọa độ đầu nối: X = 2273478; Y= 607990, Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotan) → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Liên Hà Thái.

- Công suất thiết kế: 130 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh Microbe-lift IND, Men vi sinh Microbe-

lift N1, Mật rỉ đường, $\text{Ca}(\text{OCl})_2$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Từ 01/10/2023 đến 01/11/2023

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất $130 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Số điểm lấy mẫu: 02 điểm

- Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Liên Hà Thái).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: pH; BOD_5 ; TSS; TDS; Sunfua (tính theo H_2S); Amoni (tính theo N); NO_3^- ; Dầu mỡ động, thực vật; tổng chất hoạt động bề mặt; PO_4^{3-} ; tổng Colifoms.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Công ty Cổ phần Green i-Park), không được phép xả thải ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải từ các bể tự hoại của dự án để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHEP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn 01: Từ nhà xưởng sản xuất (do hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất).
- Nguồn 02: Từ nhà bơm + điều khiển hệ thống xử lý nước thải (phát sinh từ máy bơm, máy nén khí...).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung được phân tán ra xung quanh nhà xưởng sản xuất:
 - + Góc phía Tây Bắc: $X(m) = 2273632$; $Y(m) = 607860$.
 - + Góc phía Đông Bắc: $X(m) = 2273652$; $Y(m) = 607939$.
 - + Góc phía Tây Nam: $X(m) = 2273494$; $Y(m) = 607894$.
 - + Góc phía Đông Nam: $X(m) = 2273513$; $Y(m) = 607973$.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung được phân tán ra xung quanh nhà bơm + điều khiển hệ thống xử lý nước thải:
 - + Góc phía Tây Bắc: $X(m) = 2273499$; $Y(m) = 607963$.
 - + Góc phía Đông Bắc: $X(m) = 2273502$; $Y(m) = 607975$.
 - + Góc phía Tây Nam: $X(m) = 2273494$; $Y(m) = 607965$.
 - + Góc phía Đông Nam: $X(m) = 2273497$; $Y(m) = 607976$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và không được vượt quá giá trị quy định tại bảng sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung: Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và không được vượt quá giá trị quy định tại bảng sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt một số thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.
- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất đảm bảo hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

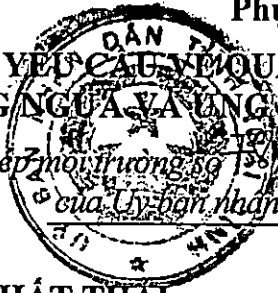
2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ NGỪNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 128/GPMT-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Mực in thải	Rắn	02	080201
2	Hộp mực in thải	Rắn	04	080204
3	Dầu thải	Lỏng	500	150107
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	160106
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	200	180102
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	200	180103
7	Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	130	180201
8	Các thiết bị điện thải khác có hoặc nhiễm PCB	Rắn	100	190202
9	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	Rắn	20	190206
10	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ (kem hàn thải)	Rắn	100	191201
	Tổng khối lượng		2.299	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vỏ bao bì đựng các loại nguyên liệu, dây đóng kiện hàng, nguyên vật liệu lỗi, hỏng.	21.200
	Tổng khối lượng	21.200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	90-100
	Tổng khối lượng	90-100

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 36 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, độ dốc $i = 15\%$, tường gạch, bảo đảm kín khí; mái lợp tôn dày 0,45mm, cửa ra vào bằng thép có khóa đóng mở.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích kho lưu giữ: 63 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông; mái lợp tôn dày 0,45mm, độ dốc mái = 10%; tường gạch; 02 cửa ra vào bằng thép có khóa đóng mở.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Kho lưu giữ:

+ Diện tích 54 m².


+ Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông; mái lợp tôn dày 0,45mm, độ dốc mái = 10%; tường gạch; 01 cửa ra vào bằng thép có khóa đóng mở.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4


CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp Giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
4. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
5. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định. / *SV*